

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH Y KHOA
NĂM HỌC 2021 – 2022
(DỰ KIẾN)

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2021 - 2022

Học kỳ	I																Nghỉ	II														III																					
	Tháng	10/2021				11				12				1/2017						2			3			4			5			6			7			8			9			10									
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	
Từ ngày	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7	14	21	28	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12	19	26	
Đến ngày	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12	19	26	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	3	10	17	24		
Y1			1				5					10				14	17	18	1			5			10				16				21	1			5				10				15				20				25
Y2	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
Y3	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
Y4	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
Y5	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
Y6	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YHCT1			1				5					10				14			1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YHCT2	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YHCT3	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YHCT4	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YHCT5	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YHCT6	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
RHM1			1				5					10				14			1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
RHM2	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
RHM3	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
RHM4	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
RHM5	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
RHM6	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YHDP1			1				5					10				14			1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YHDP2	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YHDP3	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YHDP4	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YHDP5	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YHDP6	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
D1			1				5					10				14			1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
D2	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
D3	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
D4	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
D5	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
DD1			1				5					10				14			1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
DD2	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
DD3	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
DD4	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
HS1			1				5					10				14			1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
HS2	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YTCC1			1				5					10				14			1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YTCC2	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				25
YTCC3	1				5					10				15					1			5			10				15				20	1			5				10				15				20				

I. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

1. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y KHOA HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2021-2022

1. Tên gọi các lớp

- Ngành – Năm: Y1, Y2, Y3, Y4, Y5, Y6.
- Thứ tự lớp: A, B, C, D, E, F, G, H, I, K, M, N, Q, R, T, V

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất - K47: 215301A, 215301B, 215301C, 215301D, 215301E, 215301F, 215301G, 215301H
- Năm thứ hai - K46: 205301A, 205301B, 205301C, 205301D, 205301E, 205301F, 205301G, 205301H
- Năm thứ ba - K45: 195301A, 195301B, 195301C, 195301D, 195301E, 195301F, 195301G, 195301H
- Năm thứ tư - K44: 185301A, 185301B, 185301C, 185301D, 185301E, 185301F, 185301G, 185301H, 185301I, 185301K, 185301M, 185301N, 185301Q, 185301R, 185301T, 185301V
- Năm thứ năm - K43: 175301A, 175301B, 175301C, 175301D, 175301E, 175301F, 175301G, 175301H, 175301I, 175301K, 175301M, 175301N, 175301Q, 175301R, 175301T, 175301V
- Năm thứ sáu - K42: 165301A, 165301B, 165301C, 165301D, 165301E, 165301F, 165301G, 165301H

NĂM THỨ NHẤT**(Khóa 2021–2027 – K47)****Tổng số SV (dự kiến): 910, số lớp SV chuyên ngành: 8****Học kỳ 1: 14 tuần (18/10/2021 - 22/01/2022)**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Triết học Mác-Lênin	3	3	45			4 lớp ABCD
2.	Hóa học	3	2	36	1	30	
3.	Giải phẫu I	3	2	30	1	30	
4.	Anh văn chuyên ngành I	3	3	45			
	Tổng cộng	12	10	156	2	60	
1.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	4 lớp EFGH
2.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	
3.	Xác suất - Thống kê y học	2	2	30			
4.	Lý sinh	3	2	30	1	30	
5.	Sinh học và di truyền	3	2	36	1	30	
	Tổng cộng	13	8	126	5	180	

Học kỳ 2: 16 tuần (07/02/2022 - 28/05/2022)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	4 lớp ABCD
2.	Lý sinh	3	2	30	1	30	
3.	Giải phẫu II	3	2	30	1	30	
4.	Anh văn chuyên ngành II	3	3	45			
5.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	30			
	Tổng cộng	14	10	150	4	180	
1.	Triết học Mác-Lênin	3	3	45			4 lớp EFGH
2.	Hóa học	3	2	36	1	30	
3.	Giải phẫu I	3	2	30	1	30	
4.	Anh văn chuyên ngành I	3	3	45			
	Tổng cộng	12	10	156	2	60	

Học kỳ 3: 18 tuần (30/05/2022 – 01/10/2022, trong đó có 2 tuần nghỉ hè)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Sinh lý I	2	2	30			4 lớp ABCD
2.	Tiền lâm sàng I	2	0	0	2	60	
3.	Anh văn chuyên ngành III	3	3	45			
4.	Sinh học và di truyền	3	2	36	1	30	
5.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	2	2	30			
6.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			
7.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	1	20	2	65	
8.	Giáo dục quốc phòng – an ninh IV	1	1	10		10	
	Tổng cộng	18	13	201	5	165	
1.	Giải phẫu II	3	2	30	1	30	4 lớp EFGH
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	30			
3.	Anh văn chuyên ngành II	3	3	45			
4.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	2	2	30			
5.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			
6.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	1	20	2	65	
7.	Giáo dục quốc phòng – an ninh IV	1	1	10		10	
	Tổng cộng	16	13	195	3	105	

NĂM THỨ HAI**(Khóa 2020–2026 – K46)****Tổng số SV: 899, số lớp SV chuyên ngành: 8****Học kỳ 1: 16 tuần (04/10/2021 - 22/01/2022)**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Sinh lý II	3	2	30	1	30	4 lớp ABCD
2.	Anh văn chuyên ngành III	3	3	45			
3.	Mô phôi	3	2	30	1	30	
4.	Tiền lâm sàng II	2			2	60	
5.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	18	1	45	
	Tổng cộng	13	7	108	6	195	
1.	Sinh lý I	2	2	30			4 lớp EFGH
2.	Anh văn chuyên ngành II	3	3	45			
3.	Vi sinh	3	2	30	1	30	
4.	Hoá sinh	3	2	36	1	30	
5.	Tiền lâm sàng I	2	0	0	2	60	
	Tổng cộng	13	9	93	4	120	

Ghi chú:

Học phần Điều dưỡng cơ bản thực tập **buổi chiều** tại BV ĐKTƯ Cần Thơ và BV ĐKTP Cần Thơ do Khoa ĐD và KTYH phụ trách.

LỊCH THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Thời gian	Nhóm lớp	
	A	B
29/11/2021 - 04/12/2021	Điều dưỡng Nội	Điều dưỡng Ngoại
06/12/2021 - 11/12/2021	Điều dưỡng Ngoại	Điều dưỡng Nội
Thời gian	Nhóm lớp	
	C	D
13/12/2021 - 18/12/2021	Điều dưỡng Nội	Điều dưỡng Ngoại
20/12/2021 - 25/12/2021	Điều dưỡng Ngoại	Điều dưỡng Nội

Học kỳ 2: 16 tuần (07/02/2022 - 28/05/2022)

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	30	1	30	4 lớp ABCD
2.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	
3.	Vi sinh	3	2	30	1	30	
4.	Hoá sinh	3	2	36	1	30	
	Tổng cộng	12	8	126	4	120	
1.	Sinh lý II	3	2	30	1	30	4 lớp EFGH
2.	Mô phôi	3	2	30	1	30	
3.	Anh văn chuyên ngành III	3	3	45			
4.	Tiền lâm sàng II	2			2	60	
5.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	18	1	45	
	Tổng cộng	12	7	93	5	195	

Ghi chú:

Học phần Điều dưỡng cơ bản thực tập **buổi chiều** tại BV ĐKTƯ Cần Thơ và BV ĐKTP Cần Thơ do Khoa ĐD và KTYH phụ trách.

LỊCH THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Thời gian	Nhóm lớp	Nhóm lớp
	E	F
21/03/2022 – 26/03/2022	Điều dưỡng Nội	Điều dưỡng Ngoại
28/03/2022 - 02/04/2022	Điều dưỡng Ngoại	Điều dưỡng Nội
	G	H
11/04/2022 - 16/04/2022	Điều dưỡng Nội	Điều dưỡng Ngoại
18/04/2022 - 23/04/2022	Điều dưỡng Ngoại	Điều dưỡng Nội

Học kỳ 3: 18 tuần (30/05/2022 – 01/10/2022, trong đó có 2 tuần nghỉ hè)

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30	4 lớp ABCD
2.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	30			
3.	Nội cơ sở II	3	1	18	2	90	
4.	Ngoại cơ sở II	3	1	18	2	90	
	Tổng cộng	10	5	81	5	210	
1.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	30	1	30	4 lớp EFGH
2.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	
3.	Nội cơ sở I	3	1	18	2	90	
4.	Ngoại cơ sở I	3	1	18	2	90	
	Tổng cộng	12	6	96	6	340	

Ghi chú:

Thực tập Nội cơ sở I,II, Ngoại cơ sở I,II buổi sáng tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Trường. Bộ môn Nội, Ngoại chịu trách nhiệm tổ chức cho sinh viên thực hành tại các địa điểm trên.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp \ Thời gian	AB	CD	EF	GH
08/08/2022-03/09/2022	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở II	Nội cơ sở I	Ngoại cơ sở I
05/09/2022-01/10/2022	Ngoại cơ sở II	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở I	Nội cơ sở I

NĂM THỨ BA**(Khóa 2019–2025 - K45)****Tổng số SV: 902, số lớp SV chuyên ngành: 8****Học kỳ 1: 16 tuần (04/10/2021 - 22/01/2022)**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	30	1	30	4 lớp ABCD
2.	Phẫu thuật thực hành	2	1	15	1	30	
3.	Nội cơ sở I	3	1	18	2	90	
4.	Ngoại cơ sở I	3	1	18	2	90	
	Tổng cộng	11	5	81	6	240	
1.	Dược lý	3	2	36	1	30	4 lớp EFGH
2.	Giải phẫu bệnh	2	1	18	1	30	
3.	Nội cơ sở II	3	1	18	2	90	
4.	Ngoại cơ sở II	3	1	18	2	90	
	Tổng cộng	11	5	90	6	240	

Ghi chú:

Thực tập Nội cơ sở I,II, Ngoại cơ sở I,II buổi sáng tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Trường. Bộ môn Nội, Ngoại chịu trách nhiệm tổ chức cho sinh viên thực hành tại các địa điểm trên.

Lớp	EF	GH	AB	CD
Thời gian				
08/11/2021-04/12/2021	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở II	Nội cơ sở I	Ngoại cơ sở I
06/12/2021-01/01/2022	Ngoại cơ sở II	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở I	Nội cơ sở I

Học kỳ 2: 16 tuần (07/02/2022 - 28/05/2022)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Giải phẫu bệnh	2	1	18	1	30	4 lớp ABCD
2.	Dược lý	3	2	36	1	30	
3.	Phụ sản I	3	1	18	2	90	2 lớp AB
4.	Phụ sản II	3	1	18	2	90	
5.	Ngoại bệnh lý I	3	1	18	2	90	2 lớp CD
6.	Ngoại bệnh lý II	3	1	18	2	90	
	Tổng cộng	11	5	90	6	240	
1.	Hoá sinh lâm sàng	1	1	18			4 lớp EFGH
2.	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	18	1	30	
3.	Phẫu thuật thực hành	2	1	15	1	30	
4.	Nội bệnh lý I	3	1	18	2	90	2 lớp EF
5.	Nội bệnh lý II	3	1	18	2	90	
6.	Nhi khoa I	3	1	18	2	90	2 lớp GH
7.	Nhi khoa II	3	1	18	2	90	
	Tổng cộng	11	5	87	6	270	

Ghi chú:

Thực tập 8 tuần, tuần thứ 9 thi kết thúc học phần lâm sàng. Sinh viên thực tập vào các buổi sáng và chiều thứ 2,4,6 do các bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi phụ trách (3/4 thực tập tại các BV tại Cần Thơ và 1/4 thực tập tại BV đa khoa Vĩnh Long do Khoa Y và Bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi Khoa Y phụ trách).

- Thực tập lâm sàng Nội, Ngoại tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Nhi đồng, BV Trường, BV ĐK Vĩnh Long.

- Thực tập lâm sàng Phụ sản tại BV Phụ sản Cần Thơ, BV Trường và BV ĐK Vĩnh Long.

- Thực tập lâm sàng Nhi tại BV Nhi Đồng Cần Thơ và BV Phụ sản Cần Thơ, BV ĐK Vĩnh Long.- Thực tập lâm sàng Nội, Ngoại tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Nhi đồng, BV Trường, BV ĐK Vĩnh Long.

- Thực tập lâm sàng Phụ sản tại BV Phụ sản Cần Thơ, BV Trường và BV ĐK Vĩnh Long.

- Thực tập lâm sàng Nhi tại BV Nhi Đồng Cần Thơ và BV Phụ sản Cần Thơ, BV ĐK Vĩnh Long.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm (Lớp)	1 (AB)	2 (CD)	3 (EF)	4 (GH)
07/03/2022 – 07/05/2022	Phụ sản I-II	Ngoại bệnh lý I-II	Nội bệnh lý I-II	Nhi I-II

Học kỳ 3: 18 tuần (30/05/2022 – 01/10/2022, trong đó có 2 tuần nghỉ hè)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Thăm dò chức năng	2	1	18	1	30	4 lớp ABCD
2.	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	1	18	1	30	
3.	Hoá sinh lâm sàng	1	1	18			
4.	Phụ sản I	3	1	18	2	90	2 lớp CD
5.	Phụ sản II	3	1	18	2	90	
6.	Ngoại bệnh lý I	3	1	18	2	90	2 lớp AB
7.	Ngoại bệnh lý II	3	1	18	2	90	
	Tổng cộng	11	5	90	6	270	
1.	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khoẻ	1	1	18			4 lớp EFGH
2.	Dị ứng lâm sàng	1	1	18			
3.	Dược lý lâm sàng	2	1	18	1	30	
4.	Nội bệnh lý I	3	1	18	2	90	2 lớp GH
5.	Nội bệnh lý II	3	1	18	2	90	
6.	Nhi khoa I	3	1	18	2	90	2 lớp EF
7.	Nhi khoa II	3	1	18	2	90	
	Tổng cộng	10	5	204	5	210	

Ghi chú:

Thực tập 8 tuần, tuần thứ 9 thi kết thúc học phần lâm sàng. Sinh viên thực tập vào các buổi sáng và **chiều thứ 2,4,6** do các bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi phụ trách (3/4 thực tập tại các BV tại Cần Thơ và 1/4 thực tập tại BV đa khoa Vĩnh Long do Khoa Y và Bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi Khoa Y phụ trách).

- Thực tập lâm sàng Nội, Ngoại tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Nhi đồng, BV Trường, BV ĐK Vĩnh Long.

- Thực tập lâm sàng Phụ sản tại BV Phụ sản Cần Thơ, BV Trường và BV ĐK Vĩnh Long.

- Thực tập lâm sàng Nhi tại BV Nhi Đồng Cần Thơ và BV Phụ sản Cần Thơ, BV ĐK Vĩnh Long.

- Thực tập lâm sàng Nội, Ngoại tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Nhi đồng, BV Trường, BV ĐK Vĩnh Long.

- Thực tập lâm sàng Phụ sản tại BV Phụ sản Cần Thơ, BV Trường và BV ĐK Vĩnh Long.

- Thực tập lâm sàng Nhi tại BV Nhi Đồng Cần Thơ và BV Phụ sản Cần Thơ, BV ĐK Vĩnh Long.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm (Lớp)	1 (CD)	2 (AB)	3 (GH)	4 (EF)
01/08/2022 – 01/10/2022	Phụ sản I-II	Ngoại bệnh lý I-II	Nội bệnh lý I-II	Nhi I-II

NĂM THỨ TƯ**(Khóa 2018–2024 – K44)****Tổng số SV: 1080, số lớp SV chuyên ngành: 16****Học kỳ 1: 16 tuần (04/10/2021 - 22/01/2022)**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Nhi khoa I	1	1	18			Y-EFGH
2.	Nhi khoa II	1	1	18			
3.	Nội bệnh lý I	1	1	18			Y-ABCD
4.	Nội bệnh lý II	1	1	18			
5.	Dị ứng lâm sàng	1	1	18			Y-ABCDEFFGH
6.	Pháp Y	1	1	18			
7.	Huyết học cơ bản	2	1	18	1	30	
	Tổng cộng	6	5	90	1	30	
1.	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	1	1	18			Y-IKMNQRTV
2.	Dịch tễ học	2	1	18	1	30	
3.	Hóa sinh lâm sàng	1	1	18			
4.	Dược lý lâm sàng	2	1	18	1	30	
5.	Ngoại bệnh lý I	1	1	18			Y-QRTV
6.	Ngoại bệnh lý II	1	1	18			
7.	Phụ sản I	1	1	18			Y-IKMN
8.	Phụ sản II	1	1	18			
	Tổng cộng	8	6	108	2	60	

Ghi chú:***Thực tập bù các học phần lâm sàng ở học kỳ III, năm học 2020-2021***

Thực tập 8 tuần, tuần thứ 9 thi kết thúc học phần lâm sàng. Sinh viên thực tập vào các buổi sáng và **chiều thứ 2,4,6** do các bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi phụ trách (3/4 thực tập tại các BV tại Cần Thơ và **1/4 thực tập tại BV đa khoa Vĩnh Long** do Khoa Y và Bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi Khoa Y phụ trách).

- Thực tập lâm sàng Nội, Ngoại tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Nhi đồng, BV Trường, BV ĐK Vĩnh Long.

- Thực tập lâm sàng Phụ sản tại BV Phụ sản Cần Thơ, BV Trường và BV ĐK Vĩnh Long.

- Thực tập lâm sàng Nhi tại BV Nhi Đồng Cần Thơ và BV Phụ sản Cần Thơ, BV ĐK Vĩnh Long.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm (Lớp)	1 (A,B,C,D)	2 (E,F,G,H)	3 (I,K,M,N)	4 (Q,R,T,V)
15/11/2021 – 08/01/2022	Phụ sản I-II	Ngoại bệnh lý I-II	Nội bệnh lý I-II	Nhi I-II

Học kỳ 2: 16 tuần (07/02/2022 – 28/05/2022)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Hóa sinh lâm sàng	1	1	18			Y-ABCDEFGH
2.	Răng hàm mặt	2	1	18	1	45	Y-ABCD
3.	Mắt	2	1	18	1	45	
4.	Nội bệnh lý I	2			2	90	
5.	Nội bệnh lý II	2			2	90	
6.	Nhi khoa I	1	1	18			
7.	Nhi khoa II	1	1	18			
8.	Lao	2	1	18	1	45	Y-EFGH
9.	Da liễu	2	1	18	1	45	
10.	Nhi khoa I	2			2	90	
11.	Nhi khoa II	2			2	90	
12.	Nội bệnh lý I	1	1	18			
13.	Nội bệnh lý II	1	1	18			
	Tổng cộng	11	5	90	6	270	
1.	Dị ứng lâm sàng	1	1	18			Y-IKMNQRTV
2.	Phục hồi chức năng	2	1	18	1	45	Y-IKMN
3.	Tai mũi họng	2	1	18	1	45	
4.	Phụ sản I	2			2	90	
5.	Phụ sản II	2			2	90	
6.	Ngoại bệnh lý I	1	1	18			
7.	Ngoại bệnh lý II	1	1	18			
8.	Ung thư đại cương	2	1	18	1	45	Y-QRTV
9.	Gây mê hồi sức	2	1	18	1	45	
10.	Ngoại bệnh lý I	2			2	90	
11.	Ngoại bệnh lý II	2			2	90	
12.	Phụ sản I	1	1	18			
13.	Phụ sản II	1	1	18			
	Tổng cộng	11	5	108	6	270	

Ghi chú:

- Thực tập lâm sàng Nội, Ngoại, Sản, Nhi trong 8 tuần, tuần thứ 9 thi kết thúc học phần lâm sàng. Sinh viên thực tập vào các buổi sáng và **chiều thứ 2,4,6** do các bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi phụ trách (3/4 thực tập tại các BV tại Cần Thơ và **1/4 thực tập tại BV đa khoa Vĩnh Long** do Khoa Y và Bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi Khoa Y phụ trách).

- Thực tập lâm sàng Nội, Ngoại tại BV ĐKTƯ Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Nhi đồng, BV Trường, BV ĐK Vĩnh Long.

- Thực tập lâm sàng Phụ sản tại BV Phụ sản Cần Thơ, BV Trường và BV ĐK Vĩnh Long.

- Thực tập lâm sàng Nhi tại BV Nhi Đồng Cần Thơ và BV Phụ sản Cần Thơ, BV ĐK VL.

- Thực tập Mắt, Răng Hàm mặt buổi sáng tại BV Mắt-RHM Cần Thơ, BV ĐKTƯ Cần Thơ.

- Thực tập Da liễu buổi sáng tại BV Da liễu Cần Thơ.

- Thực tập Lao buổi sáng tại BV Lao và bệnh phổi Cần Thơ.

- Thực tập Tai mũi họng buổi sáng tại BV Tai-mũi-họng Cần Thơ.

- Thực tập Gây mê hồi sức buổi sáng tại BV ĐKTƯ Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Phụ sản và BV Trường.

- Thực tập Phục hồi chức năng buổi sáng tại Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Cần Thơ.

- Thực tập Ung thư đại cương buổi sáng tại BV Ung bướu Cần Thơ.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	AB	CD	EF	GH	IK	MN	QR	TV
07/02/2022 – 02/04/2022	Nội bệnh lý I-II		Nhi I-II		Phụ sản I-II		Ngoại bệnh lý I-II	
18/04/2022-30/04/2022	Mắt	RHM	Lao	Da liễu	PHCN	TMH	Ung thư	GMHS
09/05/2022-21/05/2022	RHM	Mắt	Da liễu	Lao	TMH	PHCN	GMHS	Ung thư

Học kỳ 3: 18 tuần (30/05/2022 – 01/10/2022, trong đó có 2 tuần nghỉ hè)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú	
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Dược lý lâm sàng	2	1	18	1	30	Y-ABCDEFFGH	
2.	Răng hàm mắt	2	1	18	1	45	Y-EFGH	
3.	Mắt	2	1	18	1	45		
4.	Nội bệnh lý I	2			2	90		
5.	Nội bệnh lý II	2			2	90		
6.	Phụ sản I	1	1	18				
7.	Phụ sản II	1	1	18			Y-ABCD	
8.	Lao	2	1	18	1	45		
9.	Da liễu	2	1	18	1	45		
10.	Nhi khoa I	2			2	90		
11.	Nhi khoa II	2			2	90		
12.	Ngoại bệnh lý I	1	1	18			Y-ABCD	
13.	Ngoại bệnh lý II	1	1	18				
	Tổng cộng	11	5	90	6	270		
1.	Huyết học cơ bản	2	1	18	1	30		Y-IKMNQRTV
2.	Phục hồi chức năng	2	1	18	1	45		Y-QRTV
3.	Tai mũi họng	2	1	18	1	45		
4.	Phụ sản I	2			2	90		
5.	Phụ sản II	2			2	90		
6.	Nội bệnh lý I	1	1	18				
7.	Nội bệnh lý II	1	1	18			Y-IKMN	
8.	Ung thư đại cương	2	1	18	1	45		
9.	Gây mê hồi sức	2	1	18	1	45		
10.	Ngoại bệnh lý I	2			2	90		
11.	Ngoại bệnh lý II	2			2	90		
12.	Nhi khoa I	1	1	18			Y-IKMN	
13.	Nhi khoa II	1	1	18				
	Tổng cộng	11	5	108	6	270		

Ghi chú:

Địa điểm và hướng dẫn thực tập giống với học kỳ 2.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	EF	GH	AB	CD	QR	TV	IK	MN
30/05/2022 – 23/07/2022	Nội bệnh lý I-II		Nhi I-II		Phụ sản I-II		Ngoại bệnh lý I-II	

29/08/2022-10/09/2022	Mắt	RHM	Lao	Da liễu	PHCN	TMH	Ung thư	GMHS
12/09/2022-24/09/2022	RHM	Mắt	Da liễu	Lao	TMH	PHCN	GMHS	Ung thư

NĂM THỨ NĂM**(Khóa 2017–2023 – K43)****Tổng số SV: 1152, số lớp SV chuyên ngành: 16****Học kỳ 1: 16 tuần (04/10/2021 - 22/01/2022)**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Phục hồi chức năng	2	1	18	1	45	8 lớp ABCDEFFGH
2.	Tai mũi họng	2	1	18	1	45	
3.	Ung thư đại cương	2	1	18	1	30	
4.	Gây mê hồi sức	2	1	18	1	45	
5.	Tâm thần	2	1	18	1	45	
6.	Thần kinh	2	1	18	1	45	
	Tổng cộng	12	6	108	6	255	
1.	Da liễu	2	1	18	1	45	8 lớp IKMNQRTV
2.	Lao	2	1	18	1	45	
3.	Răng hàm mặt	2	1	18	1	45	
4.	Mắt	2	1	18	1	45	
5.	Y học gia đình	2	1	15	1	45	
6.	Y học cổ truyền	2	1	18	1	45	
	Tổng cộng	12	6	105	6	270	

Ghi chú:

Sinh viên thực tập lâm sàng vào buổi sáng, mỗi lớp thực tập 1 chuyên khoa:

- Thực tập Mắt, Răng Hàm mặt tại BV Mắt-RHM Cần Thơ, BV ĐKTU Cần Thơ.
- Thực tập Tai mũi họng tại BV Tai-mũi-họng Cần Thơ.
- Thực tập Thần kinh tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ.
- Thực tập Da liễu tại BV Da liễu Cần Thơ.
- Thực tập Tâm thần tại BV Tâm thần Cần Thơ.
- Thực tập Gây mê hồi sức tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Phụ sản và BV

Trường.

- Thực tập Lao tại BV Lao và bệnh phổi Cần Thơ.
- Thực tập Y học cổ truyền tại BV YHCT Cần Thơ.
- Thực tập Ung thư đại cương tại BV Ung bướu Cần Thơ.
- Thực tập Phục hồi chức năng tại Bệnh viện Chính hình và Phục hồi chức năng Cần Thơ.
- Thực tập Y học gia đình tại phòng khám Y học gia đình BV Trường và BV Tim mạch

TP.Cần Thơ.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	Y-AB	Y-CD	Y-EF	Y-GH	Y-IK	Y-MN	Y-QR	Y-TV
18/10/2021- 30/10/2021	PHCN	TMH	Ung thư	GMHS	Da liễu	Lao	YHCT	YHGD
01/11/2021- 13/11/2021	TMH	PHCN	GMHS	Ung thư	Lao	Da liễu	YHGD	YHCT
15/11/2021- 27/11/2021	Tâm thần	Thần kinh	PHCN	TMH	RHM	Mắt	Da liễu	Lao
29/11/2021- 11/12/2021	Thần kinh	Tâm thần	TMH	PHCN	Mắt	RHM	Lao	Da liễu
13/12/2021- 25/12/2021	Ung thư	GMHS	Tâm thần	Thần kinh	YHCT	YHGD	RHM	Mắt
27/12/2021- 08/01/2022	GMHS	Ung thư	Thần kinh	Tâm thần	YHGD	YHCT	Mắt	RHM

Học kỳ 2: 16 tuần (07/02/2022 - 28/05/2022)

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Y học gia đình	2	1	15	1	45	8 lớp ABCDEFFGH
2.	Y học cổ truyền	2	1	18	1	45	
3.	Nội bệnh lý III	3	1	18	2	90	
4.	Truyền nhiễm	3	2	30	1	45	
5.	Dịch tễ học	2	1	18	1	30	
	Tổng cộng	12	6	99	6	255	
1.	Tâm thần	2	1	18	1	45	8 lớp IKMNQRTV
2.	Thần kinh	2	1	18	1	45	
3.	Nội bệnh lý IV	3	1	18	2	90	
4.	Ngoại bệnh lý III	3	1	18	2	90	
5.	Dịch tễ học	2	1	18	1	30	
	Tổng cộng	12	5	90	7	300	

Ghi chú:

Sinh viên thực tập lâm sàng vào buổi sáng, mỗi lớp thực tập 1 chuyên khoa:

- Thực tập Thần kinh tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ.
- Thực tập Tâm thần tại BV Tâm thần Cần Thơ.
- Thực tập Y học cổ truyền tại BV YHCT Cần Thơ.
- Thực tập Truyền nhiễm tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ.
- Thực tập Y học gia đình tại phòng khám Y học gia đình BV Trường và BV Tim mạch TP.Cần Thơ.

- Thực tập Nội bệnh lý III, IV, Ngoại Bệnh lý III các buổi sáng và chiều thứ 2,4,6 tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Phụ sản Cần Thơ, BV Trường, BV Huyết học và truyền máu Cần Thơ, BV Nhi đồng Cần Thơ.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	Y-AB	Y-CD	Y-EF	Y-GH	Y-IK	Y-MN	Y-QR	Y-TV
21/02/2022-05/03/2022	YHGĐ	YHCT	Truyền nhiễm		Tâm thần	Thần kinh	Ngoại bệnh lý III	
07/03/2022-19/03/2022	YHCT	YHGĐ			Thần kinh	Tâm thần		
21/03/2022-02/04/2022	Nội bệnh lý III		YHGĐ	YHCT	Nội bệnh lý IV		Tâm thần	Thần kinh
04/04/2022-16/04/2022			YHCT	YHGĐ			Thần kinh	Tâm thần
18/04/2022-30/04/2022	Truyền nhiễm		Nội bệnh lý III		Ngoại bệnh lý III		Nội bệnh lý IV	
02/05/2022-14/05/2022								

Học kỳ 3: 18 tuần (30/05/2022 – 01/10/2022, trong đó có 2 tuần nghỉ hè)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Thực tập cộng đồng II	2			2	90	
2.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	45			
3.	Nội bệnh lý IV	3	1	18	2	90	8 lớp
4.	Ngoại bệnh lý III	3	1	18	2	90	ABCDEFGHIJ
1.	Phụ sản III	3	1	18	2	90	8 lớp
2.	Nhi khoa III	3	1	18	2	90	IKMNQRTV
Tổng cộng		11	5	99	6	210	

Ghi chú:

- Thực tập Nội bệnh lý IV, Ngoại Bệnh lý III các buổi sáng và chiều thứ 2,4,6 do Khoa Y và Bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi Khoa Y phụ trách. Sinh viên thực tập tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Phụ sản Cần Thơ, BV Trường, BV Nhi đồng Cần Thơ, BV Huyết học và truyền máu Cần Thơ.

- Thực tập cộng đồng II từ ngày 11/07/2022 đến 23/07/2022 do khoa Y tế công cộng cho địa điểm, phụ trách và hướng dẫn sinh viên thực tập.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	Y-ABCD	Y-EFGH	Y-IKMN	Y-QRTV
08/08/2022-03/09/2022	Nội bệnh lý IV	Ngoại bệnh lý III	Phụ sản III	Nhi khoa III
05/09/2022-01/10/2022	Ngoại bệnh lý III	Nội bệnh lý IV	Nhi khoa III	Phụ sản III

*** Chú ý:**

Sinh viên đăng ký học phần định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn, trừ các sinh viên diện cử tuyển và địa chỉ sử dụng phải được đăng ký bởi sở Y tế hoặc sở Nội vụ tỉnh. Riêng Sinh viên Y khoa chuyên ngành Hiếm sẽ học theo định hướng cơ bản chuyên khoa theo ngành Hiếm đã trúng tuyển. Trường hợp có nhiều sinh viên chọn một chuyên khoa (vượt tỷ lệ nhóm 4/6 giữa 2 nhóm chuyên khoa) thì Trường sẽ cắt lại để đảm bảo đạt tỷ lệ tối đa giữa 2 nhóm chuyên khoa là 4/6. Điểm nhóm các học phần thuộc chuyên khoa đã chọn sẽ dùng để xét và cắt chọn danh sách.

Đối với sinh viên Y khoa chuyên ngành Hiếm sẽ học theo định hướng cơ bản chuyên khoa theo ngành Hiếm đã trúng tuyển.

NĂM THỨ SÁU

(Khóa 2016–2022 - K42)

Tổng số SV: 925, số lớp SV chuyên ngành: 8**Học kỳ 1: 16 tuần** (04/10/2021 - 22/01/2022)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Nội bệnh lý III	3	1	18	2	90	Y-EFGH
2.	Ngoại bệnh lý III	3	1	18	2	90	
3.	Phụ sản III	3	1	18	2	90	Y-ABCD
4.	Nhi khoa III	3	1	18	2	90	
5.	LT. Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn	2	2	30			
Tổng cộng		8	4	62	4	180	

Ghi chú:

Sinh viên thực tập **hai buổi sáng và chiều từ thứ 2 đến thứ 6** do các bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi phụ trách. (3/4 thực tập tại các BV tại Cần Thơ và 1/4 thực tập tại BV đa khoa Vĩnh Long do Khoa Y và Bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi Khoa Y phụ trách). Đối với BV đa khoa Vĩnh Long, thực tập Ngoại Thần kinh.

Thực tập lâm sàng Nội, Ngoại, Phụ sản tại BV ĐKTƯ Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Phụ sản Cần Thơ, **BVĐK Vĩnh Long**, BV Trường.

Thực tập lâm sàng Nhi tại BV Nhi Đồng Cần Thơ và **BVĐK Vĩnh Long**.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp Thời gian	AB	CD	EF	GH
04/10/2021- 30/10/2021	<i>Nội bệnh lý III</i> (Bù HK III)	<i>Ngoại bệnh lý III</i> (Bù HK III)	<i>Phụ sản III</i> (Bù HK III)	<i>Nhi III</i> (Bù HK III)
01/11/2021- 27/11/2021	<i>Ngoại bệnh lý III</i> (Bù HK III)	<i>Nội bệnh lý III</i> (Bù HK III)	<i>Nhi III</i> (Bù HK III)	<i>Phụ sản III</i> (Bù HK III)
29/11/2021- 25/12/2021	Phụ sản III	Nhi III	Nội bệnh lý III	Ngoại bệnh lý III
27/12/2021- 22/01/2022	Nhi III	Phụ sản III	Ngoại bệnh lý III	Nội bệnh lý III

Học kỳ 2: 16 tuần (07/02/2022 - 28/05/2022)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	TH. Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn I	7			7	315	
2.	TH. Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn II	7			7	315	
	Tổng cộng	14			14	630	

Ghi chú:

Chia 2 nhóm thực tập định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn:

- Đợt 1 (07/02/2022 đến 02/04/2022): chia 2 nhóm thực tập tại Cần Thơ và tại Tỉnh.
- Đợt 2 (04/04/2022 đến 28/05/2022): 2 nhóm xoay vòng lại thực tập tại Tỉnh và Cần Thơ.

Riêng các sinh viên chuyên ngành Hiếm sẽ thực tập 8 tuần chuyên khoa ngành Hiếm, thực tập tại các BV địa bàn TP.Cần Thơ và 8 tuần thực tập Nội-Nhi (đối với các chuyên khoa Lao, Phong, Tâm thần) hoặc Ngoại-Sản (đối với chuyên khoa Giải phẫu bệnh, Pháp y) tại Tỉnh.

Thực tập tại tuyển tỉnh theo hộ khẩu của sinh viên. Nếu số lượng sinh viên thực tập tại một tỉnh quá nhiều, hoặc bệnh viện tỉnh không đủ điều kiện tiếp nhận sinh viên thì trường sẽ điều chỉnh dựa trên nguyên tắc chuyển sang tỉnh gần nhất với tỉnh theo hộ khẩu của sinh viên.

LỊCH THỰC TẬP ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN CHUYÊN KHOA TỰ CHỌN

Thời gian	Thực tập tại CT				Thực tập tại Tỉnh			
<i>Nhóm</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
02/02/2022–05/03/2022	Nội	Nhi	Ngoại	Sản	Nội	Nhi	Ngoại	Sản
07/03/2022– 02/04/2022	Nhi	Nội	Sản	Ngoại	Nhi	Nội	Sản	Ngoại
<i>Nhóm</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
04/04/2022–30/04/2022	Nội	Nhi	Ngoại	Sản	Nội	Nhi	Ngoại	Sản
02/05/2022–28/05/2022	Nhi	Nội	Sản	Ngoại	Nhi	Nội	Sản	Ngoại

Thi thực hành Nội, Ngoại, Sản, Nhi trong tuần cuối của vòng thực tập tại Cần Thơ.

Học kỳ 3: 6 tuần (30/05/2022 – 09/07/2022)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Chuyên đề/ Kiến thức chuyên ngành tổng hợp	2	2	30			
2.	Lâm sàng tổng hợp	2			2	90	
	Tổng cộng	4	2	30	2	90	

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**1. Chương trình đào tạo**

Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

2. Kiểm tra và thi kết thúc học phần

Thực hiện Quyết định số 2017/QĐ-ĐHYDCT ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quyết định số 777/QĐ-ĐHYDCT ngày 21 tháng 8 năm 2019 về quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ (sửa đổi).

Riêng năm thứ nhất thực hiện Quyết định số 2018/QĐ-ĐHYDCT ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.

Tổ chức thi kết thúc học phần sau khi kết thúc chương trình của từng học phần.

3. Thực tập lâm sàng

Lịch thực hành lâm sàng, địa điểm thực hành trong kế hoạch được bố trí dự kiến trong điều kiện bình thường. Trường hợp dịch bệnh kéo dài thì trường sẽ có điều chỉnh và hướng dẫn thực hiện tùy theo tình hình thực tế. Nếu phải triển khai giảng dạy lâm sàng trong điều kiện dịch bệnh đang diễn ra, các bộ môn có thể kết hợp thực tập giảng lâm sàng trực tuyến kết hợp với trực tiếp theo kế hoạch của bộ môn để hoàn thành chương trình theo kế hoạch.

4. Cuối khóa học

Sinh viên đạt điểm trung bình chung học tập khi tích lũy tối thiểu 70% kiến thức toàn khóa học đạt loại giỏi trở lên, không nợ học phần nào tính đến hết học kỳ I năm kế cuối và không bị gián đoạn hoặc bị kỷ luật trong quá trình học được đăng ký làm chuyên đề (2 TC).

+ Thời gian đăng ký và thực hiện: theo thông báo của phòng Đào tạo đại học.

+ Ngày nộp và chấm chuyên đề: theo kế hoạch tốt nghiệp của trường.

Các sinh viên còn lại nếu tích lũy đủ 90% kiến thức toàn khóa thì được thi kiến thức chuyên ngành tổng hợp (2 TC) bao gồm các nội dung: Giải phẫu, Sinh lý, Nội, Ngoại, Sản, Nhi

Lâm sàng tổng hợp (2 TC): bốc thăm ngẫu nhiên phân môn thi thực hành lâm sàng theo nhóm Nội-Nhi hoặc Ngoại-Sản tùy thuộc vào nhóm định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn sinh viên đã đăng ký.

+ Ngày thi: 13/06/2022 – 18/06/2022.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trung Kiên

II. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY

11. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SỸ Y KHOA HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM HỌC 2021-2022

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: Y⁴1, Y⁴2, Y⁴3, Y⁴4
- Thứ tự lớp: A, B, C, D

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất - K35: 213301A, 213301B
- Năm thứ hai - K34: 203301A, 203301B
- Năm thứ ba - K33: 193301A, 193301B
- Năm thứ tư - K32: 183301A, 183301B, 183301C, 183301D

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2021–2025, K35)

Tổng số SV (dự kiến): 200, số lớp SV chuyên ngành: 2**Học kỳ 1: 14 tuần (18/10/2021 - 22/01/2022)**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Tâm lý y học – Đạo đức y học	2	2	30			
2.	Xác suất - Thống kê y học	2	2	30			
3.	Hóa học	3	2	36	1	30	
4.	Lý sinh	3	2	30	1	30	
5.	Anh văn chuyên ngành I	3	3	45			
6.	Giải phẫu I	3	2	30	1	30	
	Tổng cộng	16	13	201	3	90	

Học kỳ 2: 16 tuần (07/02/2022 - 28/05/2022)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Sinh học và Di truyền	3	2	36	1	30	
2.	Sinh lý I	2	2	30			
3.	Vi sinh	3	2	30	1	30	
4.	Hoá sinh	3	2	36	1	30	
5.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	2	2	30			
6.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			
7.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	1	20	2	65	
8.	Giáo dục quốc phòng – an ninh IV	1	1	10		10	
	Tổng cộng	19	14	222	5	105	

Học kỳ 3: 18 tuần (30/05/2022 – 01/10/2022, trong đó có 2 tuần nghỉ hè)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	
2.	Mô phôi	3	2	30	1	30	
3.	Giải phẫu II	3	2	30	1	30	
4.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	
5.	Sinh lý II	3	2	30	1	30	

	Tổng cộng	15	9	135	4	210	
--	------------------	-----------	----------	------------	----------	------------	--

NĂM THỨ HAI**(Khóa 2020–2024, K34)****Tổng số SV: 159, số lớp SV chuyên ngành: 2****Học kỳ 1: 16 tuần (04/10/2021 - 22/01/2022)**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Giải phẫu bệnh	2	1	18	1	30	
2.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	30	1	30	
3.	Nội cơ sở I	3	1	18	2	90	Y-B K34
4.	Ngoại cơ sở I	3	1	18	2	90	Y-A K34
5.	Nội cơ sở II	3	1	18	2	90	
6.	Ngoại cơ sở II	3	1	18	2	90	
	Tổng cộng	14	6	102	8	330	

Ghi chú:

Thực tập Nội cơ sở I,II, Ngoại cơ sở I,II buổi sáng tại BV ĐKTƯ Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Trường. Bộ môn Nội, Ngoại chịu trách nhiệm tổ chức cho sinh viên thực hành tại các địa điểm trên.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Thời gian \ Nhóm	A-1	A-2	B-1	B-2
25/10/2021-20/11/2021	Ngoại cơ sở I	Ngoại cơ sở II	Nội cơ sở I	Ngoại cơ sở II
22/11/2021-18/12/2021	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở I	Nội cơ sở II	Nội cơ sở I
20/12/2021- 15/01/2022	Ngoại cơ sở II	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở II	Nội cơ sở II

Học kỳ 2: 16 tuần (07/02/2022 - 28/05/2022)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Hoá sinh lâm sàng	1	1	18			
2.	Dược lý	3	2	36	1	30	
3.	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	18	1	30	
4.	Thăm dò chức năng	2	1	18	1	30	
5.	Nội bệnh lý I	3	1	18	2	90	Lớp A
6.	Nội bệnh lý II	3	1	18	2	90	
7.	Nhi khoa I	3	1	18	2	90	
8.	Ngoại bệnh lý I	3	1	18	2	90	Lớp B
9.	Ngoại bệnh lý II	3	1	18	2	90	
10.	Phụ sản I	3	1	18	2	90	

	Tổng cộng	17	8	126	9	270	
--	------------------	-----------	----------	------------	----------	------------	--

Ghi chú:

Chia 4 nhóm thực tập lâm sàng Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Phụ sản, Nhi khoa sáng thứ 2 đến thứ 6 và chiều thứ 2, 4, 6.

- Thực tập Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Phụ sản tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Phụ sản Cần Thơ.

- Thực tập Nhi khoa tại BV Nhi đồng Cần Thơ.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Thời gian	Nhóm			
	A-1	A-2	B-1	B-2
21/02/2022 – 19/03/2022	Nội BL I	Nhi khoa I	Ngoại BL I	Phụ sản I
21/03/2022 - 16/04/2022	Nội BL II	Nội BL I	Ngoại BL II	Ngoại BL I
18/04/2022 - 14/05/2022	Nhi khoa I	Nội BL II	Phụ sản I	Ngoại BL II

Học kỳ 3: 18 tuần (30/05/2022 – 01/10/2022, trong đó có 2 tuần nghỉ hè)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Huyết học cơ bản	2	1	18	1	30	
2.	Dược lý lâm sàng	2	1	18	1	30	
3.	Dị ứng lâm sàng	1	1	18			
4.	Nhi khoa II	3	1	18	2	90	Lớp A
5.	Ngoại bệnh lý I	3	1	18	2	90	
6.	Ngoại bệnh lý II	3	1	18	2	90	
7.	Nội bệnh lý I	3	1	18	2	90	Lớp B
8.	Nội bệnh lý II	3	1	18	2	90	
9.	Phụ sản II	3	1	18	2	90	
	Tổng cộng	14	6	108	8	330	

Ghi chú:

Chia 4 nhóm thực tập lâm sàng Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Phụ sản, Nhi khoa sáng thứ 2 đến thứ 6 và chiều thứ 2, 4, 6.

- Thực tập Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Phụ sản tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Phụ sản Cần Thơ.

- Thực tập Nhi khoa tại BV Nhi đồng Cần Thơ.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Thời gian	Nhóm			
	A-1	A-2	B-1	B-2
13/06/2022 - 09/07/2022	Ngoại BL I	Nhi khoa II	Nội BL I	Phụ sản II
11/07/2022 - 23/07/2022	Ngoại BL II	Ngoại BL I	Nội BL II	Nội BL I
08/08/2022 – 20/08/2022	Ngoại BL II	Ngoại BL I	Nội BL II	Nội BL I

22/08/2022 – 17/09/2022	Nhi khoa II	Ngoại BL II	Phụ sản II	Nội BL II
-------------------------	-------------	-------------	------------	-----------

NĂM THỨ BA
(Khóa 2019–2023, K33)

Tổng số SV: 222, số lớp SV chuyên ngành: 2

Học kỳ 1: 16 tuần (04/10/2021 - 22/01/2022)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	30	1	30	
2.	Dược lý	3	2	36	1	30	
3.	Nội bệnh lý II	3	1	18	2	90	Lớp B
4.	Nhi khoa II	3	1	18	2	90	
5.	Ngoại bệnh lý II	3	1	18	2	90	Lớp A
6.	Phụ sản II	3	1	18	2	90	
Tổng cộng		12	6	102	6	240	

Ghi chú:

Chia 4 nhóm thực tập lâm sàng Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Phụ sản, Nhi khoa sáng thứ 2 đến thứ 6 và chiều thứ 2, 4, 6.

- Thực tập Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Phụ sản tại BV ĐKTƯ Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Phụ sản Cần Thơ.

- Thực tập Nhi khoa tại BV Nhi đồng Cần Thơ.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Lớp	A1	A2	B1	B2
Thời gian				
25/10/2021-20/11/2021	Ngoại BL I (HK III)	Ngoại BL II	Nội BL I (HK III)	Nhi khoa II
22/11/2021-18/12/2021	Ngoại BL II	Ngoại BL I (HK III)	Nội BL II	Nội BL I (HK III)
20/12/2021- 15/01/2022	Phụ sản II	Phụ sản II	Nhi khoa II	Nội BL II

Học kỳ 2: 16 tuần (07/02/2022 - 28/05/2022)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Nội bệnh lý III	3	1	18	2	90	Lớp A
2.	Truyền nhiễm	3	2	30	1	45	Lớp B
3.	Lao	2	1	18	1	45	
4.	Tai Mũi Họng	2	1	18	1	45	
5.	Mắt	2	1	18	1	45	
6.	Da liễu	2	1	18	1	45	
7.	Di ứng lâm sàng	1	1	18			
8.	Dược lý lâm sàng	2	1	18	1	30	

	Tổng cộng	17	9	156	8	360	
--	------------------	-----------	----------	------------	----------	------------	--

Ghi chú:

Chia 4 nhóm thực tập lâm sàng vào buổi sáng:

- Thực tập Mắt tại BV Mắt-Răng hàm mặt Cần Thơ, BV ĐKTU Cần Thơ.
- Thực tập Tai mũi họng tại BV Tai-mũi-họng Cần Thơ.
- Thực tập Lao tại BV Lao và Bệnh phổi Cần Thơ.
- Thực tập Da liễu tại BV Da liễu Cần Thơ.
- Thực tập Truyền nhiễm tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ.
- Thực tập Nội bệnh lý III tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Trường.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	A1	A2	B1	B2
21/02/2022- 05/03/2022	Nội bệnh lý III		Mắt	Da liễu
07/03/2022- 19/03/2022			Da liễu	Mắt
21/03/2022- 02/04/2022	Lao	Tai Mũi Họng	Truyền nhiễm	
04/04/2022- 16/04/2022	Tai Mũi Họng	Lao		
18/04/2022- 30/04/2022	Mắt	Da liễu	Lao	Tai Mũi Họng
02/05/2022- 14/05/2022	Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Lao

Học kỳ 3: 18 tuần (30/05/2022 – 01/10/2022, trong đó có 2 tuần nghỉ hè)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Nội bệnh lý III	3	1	18	2	90	Lớp B
2.	Truyền nhiễm	3	2	30	1	45	Lớp A
3.	Y học gia đình	2	1	18	1	45	
4.	Gây mê hồi sức	2	1	18	1	45	
5.	Tâm thần	2	1	18	1	45	
6.	Thần kinh	2	1	18	1	45	
7.	Pháp Y	1	1	18			
8.	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	1	1	18			
9.	Dịch tễ học	2	1	18	1	30	
	Tổng cộng	15	8/7	108	7/8	330	

Ghi chú:

- Thực tập Truyền nhiễm tại BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ.

- Thực tập Nội bệnh lý III tại BV ĐKTU' Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Trường.
- Thực tập Gây mê hồi sức buổi sáng tại BV ĐKTU' Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ, BV Phụ sản và BV Trường.
- Thực tập Thần kinh tại BV ĐKTU' Cần Thơ, BV ĐKTP Cần Thơ.
- Thực tập Tâm thần tại BV Tâm thần Cần Thơ.
- Thực tập Y học gia đình tại phòng khám Y học gia đình BV Trường và BV Tim mạch TP.Cần Thơ.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	A1	A2	B1	B2
13/06/2022- 25/06/2022	Gây mê hồi sức	Tâm thần	Nội bệnh lý III	
27/06/2022- 09/07/2022	Thần kinh	Gây mê hồi sức		
11/07/2022- 23/07/2022	Y học gia đình	Thần kinh	Gây mê hồi sức	Tâm thần
<i>Nghỉ hè</i>				
08/08/2022- 20/08/2022	Tâm thần	Y học gia đình	Thần kinh	Gây mê hồi sức
22/08/2022- 03/09/2022	Truyền nhiễm		Y học gia đình	Thần kinh
05/09/2022- 17/09/2022			Tâm thần	Y học gia đình

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2018–2022, K32)

Tổng số sinh viên: 296, số lớp: 4**Học kỳ 1: 18 tuần** (07/09/2021 đến 23/01/2022, có 3 tuần ôn thi và thi)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3	3	45			
2.	Dịch tễ học	2	1	15	1	30	
3.	Nội bệnh lý III	3	1	18	2	90	Lớp CD
4.	Ngoại bệnh lý III	3	1	18	2	90	
5.	Nội bệnh lý IV	3	1	18	2	90	Lớp AB
6.	Ung thư đại cương	2	1	18	1	45	
7.	Y học gia đình	2	1	15	1	45	
	Tổng cộng	11/12	6/7	183	5	420	

Ghi chú:

Chia 4 nhóm thực tập luân khoa:

- Thực tập Nội bệnh lý III, Ngoại bệnh lý III tại BV ĐKTU CT, BV ĐK TPCT và BV Trường (thực tập buổi sáng và chiều thứ 2,4,6).
- Thực tập Nội bệnh lý IV tại BV ĐKTU CT, BV ĐK TPCT, BV Huyết học và truyền máu Cần Thơ và BV Trường (thực tập buổi sáng và chiều thứ 2,4,6).
- Thực tập Y học gia đình tại phòng khám Y học gia đình BV Trường và BV Tim mạch TP.Cần Thơ (thực tập buổi sáng).
- Thực tập Ung thư đại cương tại BV Ung bướu Cần Thơ, BV Trường (buổi sáng).

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	A	B	C	D
22/11/2021-04/12/2021	Nội bệnh lý IV	Ung thư	Nội bệnh lý III	Ngoại bệnh lý III
06/12/2021-18/12/2021		Y học gia đình		
20/12/2021-01/11/2022	Y học gia đình	Nội bệnh lý IV	Ngoại bệnh lý III	Nội bệnh lý III
03/01/2022-15/01/2022	Ung thư			

Học kỳ 2: 16 tuần (07/02/2022 - 28/05/2022)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn I	6			6	270	
2.	Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn II	6			6	270	
	Tổng cộng	12			12	540	

Ghi chú:

Sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm chuyên khoa sau:

- + Định hướng cơ bản chuyên khoa Nội-Nhi
- + Định hướng cơ bản chuyên khoa Ngoại-Sản

Thực tập Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn buổi sáng và chiều tại BV ĐKTƯ CT, BV ĐK TPCT, BV Phụ sản CT, BV Nhi đồng CT và BV Trường từ ngày 14/02/2022 đến ngày 21/05/2022.

Học kỳ 3: 3 tuần (30/05/2022 – 18/06/2022)

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành		
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết	
1.	Kiến thức chuyên ngành tổng hợp	2	2	30			
2.	Lâm sàng tổng hợp	2			2	90	
	Tổng cộng	4	2	30	2	90	

Ghi chú:

- Kiến thức chuyên ngành tổng hợp (2 TC): thi trắc nghiệm toàn bộ nội dung cơ sở (Giải phẫu, Sinh lý) và chuyên ngành (Nội, Ngoại, Sản, Nhi).

+ Ngày thi (dự kiến): 13/06/2022 – 18/06/2022.

- Lâm sàng tổng hợp:

+ Từ ngày 18/05/2021-23/05/2021: Khoa Y tổ chức cho sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên phân môn thi thực hành lâm sàng Nội, Ngoại, Sản, Nhi.

+ Từ ngày 25/05/2021-06/06/2021: Thực hành và ôn tập. Sinh viên thực tập và ôn thi theo chuyên ngành đã bốc thăm. Các bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi có kế hoạch phân công cụ thể và sắp xếp giảng viên, sinh viên thực hành ôn tập lâm sàng theo qui định.

+ Ngày thi: Dự kiến từ 13/06/2022 – 18/06/2022.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

Áp dụng chương trình đào tạo chi tiết **hệ chính quy**. Riêng năm cuối áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ hệ liên thông.

Tùy vào kết quả xét miễn học phần khi nhập học mà mỗi sinh viên sẽ có một chương trình đào tạo riêng để hoàn thành chương trình học (xét miễn học phần từ chương trình Y đa khoa hệ chính quy). Từ học kỳ 2, sinh viên phải tự xây dựng kế hoạch học tập cá nhân để hoàn thành chương trình.

2. Kiểm tra và thi kết thúc học phần

Thực hiện Quyết định số 2017/QĐ-ĐHYDCT ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quyết định số 777/QĐ-ĐHYDCT ngày 21 tháng 8 năm 2019 về quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ (sửa đổi).

Riêng năm thứ nhất thực hiện Quyết định số 2018/QĐ-ĐHYDCT ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.

Tổ chức thi kết thúc học phần sau khi kết thúc chương trình của từng học phần.

3. Thực tập lâm sàng

Lịch thực hành lâm sàng, địa điểm thực hành trong kế hoạch được bố trí dự kiến trong điều kiện bình thường. Trường hợp dịch bệnh kéo dài thì trường sẽ có điều chỉnh và hướng dẫn thực hiện tùy theo tình hình thực tế. Nếu phải triển khai giảng dạy lâm sàng trong điều kiện dịch bệnh đang diễn ra, các bộ môn có thể kết hợp thực tập giảng lâm sàng trực tuyến kết hợp với trực tiếp theo kế hoạch của bộ môn để hoàn thành chương trình theo kế hoạch.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trung Kiên

